Mô hình Usecase Quản lý kho hàng

Version 2.0

Sinh viên thực hiện:

1241393 – Đàm Thiệu Quang

1241444 – Nguyễn Thị Yến

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Tác giả** |
| 20/12/2013 | 1.0 | Tạo mô hình Usecase | Nguyễn Thị Yến |
| 21/12/2013 | 2.0 | Chỉnh sửa | Đàm Thiệu Quang |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 5](#_Toc382039854)

[2. Danh sách các Actor 6](#_Toc382039855)

[3. Danh sách các Use-case 6](#_Toc382039856)

[4. Đặc tả Use-case 7](#_Toc382039857)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tạo đơn hàng” 7](#_Toc382039858)

[4.1.1 Tóm tắt 7](#_Toc382039859)

[4.1.2 Dòng sự kiện 7](#_Toc382039860)

[4.1.3 Các yêu cầu đặc biệt 7](#_Toc382039861)

[4.1.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 7](#_Toc382039862)

[4.1.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 7](#_Toc382039863)

[4.1.6 Điểm mở rộng 7](#_Toc382039864)

[4.2 Đặc tả Use-case “Quản lý đơn hàng” 7](#_Toc382039865)

[4.2.1 Tóm tắt 7](#_Toc382039866)

[4.2.2 Dòng sự kiện 7](#_Toc382039867)

[4.2.3 Các yêu cầu đặc biệt 8](#_Toc382039868)

[4.2.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 8](#_Toc382039869)

[4.2.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 8](#_Toc382039870)

[4.2.6 Điểm mở rộng 8](#_Toc382039871)

[4.3 Đặc tả Use-case “Nhập hàng” 8](#_Toc382039872)

[4.3.1 Tóm tắt 8](#_Toc382039873)

[4.3.2 Dòng sự kiện 9](#_Toc382039874)

[4.3.3 Các yêu cầu đặc biệt 9](#_Toc382039875)

[4.3.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 9](#_Toc382039876)

[4.3.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 9](#_Toc382039877)

[4.3.6 Điểm mở rộng 9](#_Toc382039878)

[4.4 Đặc tả Use-case “Quản lý nhập hàng” 9](#_Toc382039879)

[4.4.1 Tóm tắt 9](#_Toc382039880)

[4.4.2 Dòng sự kiện 10](#_Toc382039881)

[4.4.3 Các yêu cầu đặc biệt 10](#_Toc382039882)

[4.4.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 10](#_Toc382039883)

[4.4.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 10](#_Toc382039884)

[4.4.6 Điểm mở rộng 10](#_Toc382039885)

[4.5 Đặc tả Use-case “Xuất hàng” 11](#_Toc382039886)

[4.5.1 Tóm tắt 11](#_Toc382039887)

[4.5.2 Dòng sự kiện 11](#_Toc382039888)

[4.5.3 Các yêu cầu đặc biệt 11](#_Toc382039889)

[4.5.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 11](#_Toc382039890)

[4.5.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 11](#_Toc382039891)

[4.5.6 Điểm mở rộng 11](#_Toc382039892)

[4.6 Đặc tả Use-case “Quản lý xuất hàng” 11](#_Toc382039893)

[4.6.1 Tóm tắt 11](#_Toc382039894)

[4.6.2 Dòng sự kiện 12](#_Toc382039895)

[4.6.3 Các yêu cầu đặc biệt 12](#_Toc382039896)

[4.6.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 12](#_Toc382039897)

[4.6.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 12](#_Toc382039898)

[4.6.6 Điểm mở rộng 12](#_Toc382039899)

[4.7 Đặc tả Use-case “Quản lý loại phiếu xuất” 12](#_Toc382039900)

[4.7.1 Tóm tắt 12](#_Toc382039901)

[4.7.2 Dòng sự kiện 13](#_Toc382039902)

[4.7.3 Các yêu cầu đặc biệt 13](#_Toc382039903)

[4.7.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 13](#_Toc382039904)

[4.7.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 13](#_Toc382039905)

[4.7.6 Điểm mở rộng 13](#_Toc382039906)

[4.8 Đặc tả Use-case “Quản lý thành viên” 13](#_Toc382039907)

[4.8.1 Tóm tắt 13](#_Toc382039908)

[4.8.2 Dòng sự kiện 14](#_Toc382039909)

[4.8.3 Các yêu cầu đặc biệt 14](#_Toc382039910)

[4.8.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 14](#_Toc382039911)

[4.8.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 14](#_Toc382039912)

[4.8.6 Điểm mở rộng 15](#_Toc382039913)

[4.9 Đặc tả Use-case “Quản lý nhân viên” 15](#_Toc382039914)

[4.9.1 Tóm tắt 15](#_Toc382039915)

[4.9.2 Dòng sự kiện 15](#_Toc382039916)

[4.9.3 Các yêu cầu đặc biệt 15](#_Toc382039917)

[4.9.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 16](#_Toc382039918)

[4.9.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 16](#_Toc382039919)

[4.9.6 Điểm mở rộng 16](#_Toc382039920)

[4.10 Đặc tả Use-case “Quản lý sản phẩm” 16](#_Toc382039921)

[4.10.1 Tóm tắt 16](#_Toc382039922)

[4.10.2 Dòng sự kiện 16](#_Toc382039923)

[4.10.3 Các yêu cầu đặc biệt 17](#_Toc382039924)

[4.10.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 17](#_Toc382039925)

[4.10.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 17](#_Toc382039926)

[4.10.6 Điểm mở rộng 17](#_Toc382039927)

[4.11 Đặc tả Use-case “Quản lý loại sản phẩm” 17](#_Toc382039928)

[4.11.1 Tóm tắt 17](#_Toc382039929)

[4.11.2 Dòng sự kiện 17](#_Toc382039930)

[4.11.3 Các yêu cầu đặc biệt 18](#_Toc382039931)

[4.11.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 18](#_Toc382039932)

[4.11.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 18](#_Toc382039933)

[4.11.6 Điểm mở rộng 18](#_Toc382039934)

[4.12 Đặc tả Use-case “Quản lý tham số” 18](#_Toc382039935)

[4.12.1 Tóm tắt 18](#_Toc382039936)

[4.12.2 Dòng sự kiện 18](#_Toc382039937)

[4.12.3 Các yêu cầu đặc biệt 19](#_Toc382039938)

[4.12.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 19](#_Toc382039939)

[4.12.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 19](#_Toc382039940)

[4.12.6 Điểm mở rộng 19](#_Toc382039941)

# Sơ đồ Use-case

**

# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Giám đốc | Giám đốc quản lý việc đặt hàng, quản lý thành viên, nhân viên |
| 2 | Nhân viên kho | Nhân viên kho thực hiện việc nhập kho, xuất kho |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Tạo đơn hàng | Tạo đơn đặt hàng |
| 2 | Quản lý đơn hàng | Tra cứu, cập nhật thông đơn đặt hàng, xóa đơn hàng |
| 3 | Nhập hàng | Tạo phiếu nhập |
| 4 | Quản lý nhập hàng | Tra cứu, cập nhật thông tin phiếu nhập, xóa phiếu nhập |
| 5 | Xuất hàng | Tạo đơn xuất hàng |
| 6 | Quản lý xuất hàng | Tra cứu, cập nhật thông tin phiếu xuất, xóa phiếu xuất |
| 7 | Quản lý loại phiếu xuất | Tra cứu, cập nhật thông tin loại phiếu xuất, xóa loại phiếu xuất |
| 8 | Quản lý thành viên | Tra cứu, cập nhật thông tin phiếu xuất, thêm, xóa thành viên |
| 9 | Quản lý nhân viên | Tra cứu, cập nhật thông tin nhân viên, thêm, xóa nhân viên |
| 10 | Quản lý sản phẩm | Tra cứu, cập nhật thông tin sản phẩm, thêm, xóa sản phẩm |
| 11 | Quản lý loại sản phẩm | Tra cứu, cập nhật thông tin loại sản phẩm, thêm, xóa loại sản phẩm |
| 12 | Quản lý tham số | Tra cứu, cập nhật thông tin tham số, thêm, xóa tham số |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case “Tạo đơn hàng”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tạo đơn đặt hàng với đối tác khi các sản phẩm trong kho sắp hết.
* **Tác nhân:** giám đốc

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân chọn những sản phẩm cần đặt hàng, và điền số lượng tương ứng và yêu cầu chức năng tạo đơn hàng của hệ thống
* Hệ thống ghi nhận thông tin đơn đặt hàng và thông báo tạo đơn hàng thành công.

#### Các dòng sự kiện khác

* Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị màn hình tạo đơn hàng mới
* Trường hợp thất bại:
  + Thông báo nội dung lỗi.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý đơn hàng”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin đơn hàng, xóa đơn hàng.
* **Tác nhân:** Giám đốc

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Quản lý đơn hàng của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý đơn hàng.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết đơn hàng
* Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết đơn hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

* Đơn hàng không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin đơn hàng.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật đơn hàng:
  + Nếu đơn hàng đã nhận ít nhất 1 lần: hệ thống thông báo không thể cập nhật
  + Nếu đơn hàng chưa nhận:
    - Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật đơn hàng
    - Tác nhân cung cấp thông tin đơn hàng cần thay đổi
    - Hệ thống ghi nhận thông tin và hiển thị kết quả cập nhật.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa đơn hàng:
  + Nếu đơn hàng đã nhận ít nhất 1 lần: hệ thống thông báo không thể xóa
  + Nếu đơn hàng chưa nhận:
    - Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa đơn hàng
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của đơn hàng thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa đơn hàng.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Nhập hàng”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tạo phiếu nhập vào kho những sản phẩm đã đặt trong các đơn đặt hàng chưa nhận đủ.
* **Tác nhân:** Giám đốc, nhân viên kho

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân cung cấp thông tin mã đơn hàng cần nhập kho.
* Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của đơn hàng
* Tác nhân nhập vào số lượng sẽ nhập kho tương ứng với từng sản phẩm và yêu cầu hệ thống nhập kho.
* Hệ thống ghi nhận thông tin nhập kho, và thông báo nhập kho thành công.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã đơn hàng không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin đơn hàng.
* Trường hợp nhập kho thất bại: hệ thống thông báo lỗi và thông báo nhập kho thất bại.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật phiếu nhập:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Câp nhật phiếu nhập
  + Tác nhân thay đổi số lượng của các sản phẩm trong phiếu nhập.
  + Hệ thống yêu cầu tác nhận xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống ghi nhập thay đổi và thông báo “cập nhật thành công”
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Tạo mới phiếu nhập: hệ thống hiển thị màn hình nhập hàng ban đầu.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Tìm phiếu nhập: hệ thống hiển thị màn hình Quản lý phiếu nhập.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và tồn tại ít nhất một đơn hàng chưa nhập hàng đủ số lượng sản phẩm.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hệ thống thông báo nhập hàng thành công.
* Trường hợp thất bại:
  + Thông báo nội dung lỗi.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý nhập hàng”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin phiếu nhập, xóa phiếu nhập.
* **Tác nhân:** Giám đốc

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu phiếu nhập của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý phiếu nhập.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết phiếu nhập
* Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết phiếu nhập.

#### Các dòng sự kiện khác

* Phiếu nhập không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật phiếu nhập:
  + Hệ thống hiển thị màn hình Câp nhật phiếu nhập
  + Tác nhân thay đổi số lượng của các sản phẩm trong phiếu nhập.
  + Hệ thống yêu cầu tác nhận xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi và thông báo “cập nhật thành công”
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa phiếu nhập:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa phiếu nhập
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của phiếu nhập thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa phiếu nhập.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và tồn tại ít nhất một đơn hàng chưa nhập hàng đủ số lượng sản phẩm.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Xuất hàng”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tạo phiếu xuất những sản phẩm mà khách hàng yêu cầu.
* **Tác nhân:** Giám đốc, nhân viên kho

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân cung cấp thông tin khách hàng như tên và địa chỉ, nếu tác nhân là thành viên thì cung cấp Mã thành viên.
* Tác nhân điền số lượng tương ứng với những sản phẩm cần xuất và yêu cầu hệ thống xuất kho.
* Hệ thống ghi nhận thông tin xuất kho, và thông báo xuất kho thành công.
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý đơn hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã thành viên không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin khách hàng.
* Trường hợp xuất kho thất bại: hệ thống thông báo lỗi và thông báo nhập kho thất bại.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Tạo mới phiếu xuất: hệ thống hiển thị màn hình xuất hàng ban đầu.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Tìm phiếu xuất: hệ thống hiển thị màn hình Quản lý phiếu xuất.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và tồn tại ít nhất một sản phẩm có Số lượng tồn > 0.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hệ thống thông báo xuất hàng thành công.
* Trường hợp thất bại:
  + Thông báo nội dung lỗi.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý xuất hàng”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin phiếu xuất, xóa phiếu xuất.
* **Tác nhân:** Giám đốc, nhân viên kho.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu phiếu xuất của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý xuất hàng.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết phiếu xuất
* Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết phiếu xuất.

#### Các dòng sự kiện khác

* Phiếu xuất không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin phiếu xuất.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật phiếu xuất:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật phiếu xuất
  + Tác nhân cung cấp thông tin phiếu xuất cần thay đổi
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi, thông báo thành công và hiển thị kết quả cập nhật.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa phiếu xuất:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa phiếu xuất.
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của phiếu xuất thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa phiếu xuất.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và tồn tại ít nhất một sản phẩm có Số lượng tồn > 0.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý loại phiếu xuất”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin loại phiếu xuất, xóa loại phiếu xuất.
* **Tác nhân:** Giám đốc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu loại phiếu xuất của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý loại phiếu xuất.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết loại phiếu xuất
* Hệ thống chuyển sang màn hình xem chi tiết loại phiếu xuất.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã loại phiếu xuất không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin loại phiếu xuất.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật loại phiếu xuất:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật.
  + Tác nhân cung cấp thông tin loại phiếu xuất cần thay đổi
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi, thông báo thành công và hiển thị kết quả cập nhật.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa loại phiếu xuất:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa loại phiếu xuất.
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của loại phiếu xuất thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa loại phiếu xuất.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý thành viên”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin thành viên, thêm, xóa thành viên.
* **Tác nhân:** Giám đốc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu thành viên của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý thành viên.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết thành viên
* Hệ thống chuyển sang màn hình xem chi tiết thành viên.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã thành viên không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin thành viên.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật thành viên:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật.
  + Tác nhân cung cấp thông tin thành viên cần thay đổi
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi, thông báo thành công và hiển thị kết quả cập nhật.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Thêm thành viên:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Thêm thành viên.
  + Tác nhân cung cấp thông tin thành viên mới.
    - Nếu thành công: hệ thống ghi nhận thông tin thành viên và thông báo thêm thành công.
    - Nếu thất bại: hệ thống thông báo lỗi.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa thành viên:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa thành viên.
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của thành viên thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa thành viên.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý nhân viên”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin nhân viên, thêm, xóa nhân viên.
* **Tác nhân:** Giám đốc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu nhân viên của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý nhân viên.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết một nhân viên
* Hệ thống chuyển sang màn hình xem chi tiết nhân viên, và hiển thị danh sách phiếu nhập, phiếu xuất được tạo bởi nhân viên đó.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã nhân viên không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin nhân viên.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật nhân viên:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật.
  + Tác nhân cung cấp thông tin nhân viên cần thay đổi
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi, thông báo thành công và hiển thị kết quả cập nhật.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Thêm nhân viên:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Thêm nhân viên.
  + Tác nhân cung cấp thông tin nhân viên mới.
    - Nếu thành công: hệ thống ghi nhận thông tin nhân viên và thông báo thêm thành công.
    - Nếu thất bại: hệ thống thông báo lỗi.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa nhân viên:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa nhân viên.
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của nhân viên thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa nhân viên.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý sản phẩm”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin sản phẩm, thêm, xóa sản phẩm.
* **Tác nhân:** Giám đốc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu sản phẩm của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý sản phẩm.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết sản phẩm
* Hệ thống chuyển sang màn hình xem chi tiết sản phẩm.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã sản phẩm không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin sản phẩm.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật sản phẩm:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật.
  + Tác nhân cung cấp thông tin sản phẩm cần thay đổi
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi, thông báo thành công và hiển thị kết quả cập nhật.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Thêm sản phẩm:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Thêm sản phẩm.
  + Tác nhân cung cấp thông tin sản phẩm mới.
    - Nếu thành công: hệ thống ghi nhận thông tin sản phẩm và thông báo thêm thành công.
    - Nếu thất bại: hệ thống thông báo lỗi.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa sản phẩm:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa sản phẩm.
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của sản phẩm thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa sản phẩm.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý loại sản phẩm”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin loại sản phẩm, thêm, xóa loại sản phẩm.
* **Tác nhân:** Giám đốc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu loại sản phẩm của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý loại sản phẩm.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết loại sản phẩm
* Hệ thống chuyển sang màn hình xem chi tiết loại sản phẩm.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã loại sản phẩm không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin loại sản phẩm.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật loại sản phẩm:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật.
  + Tác nhân cung cấp thông tin loại sản phẩm cần thay đổi
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi, thông báo thành công và hiển thị kết quả cập nhật.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Thêm loại sản phẩm:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Thêm loại sản phẩm.
  + Tác nhân cung cấp thông tin loại sản phẩm mới.
    - Nếu thành công: hệ thống ghi nhận thông tin loại sản phẩm và thông báo thêm thành công.
    - Nếu thất bại: hệ thống thông báo lỗi.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa loại sản phẩm:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa loại sản phẩm.
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của loại sản phẩm thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa loại sản phẩm.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có

## Đặc tả Use-case “Quản lý tham số”

### Tóm tắt

* **Mục đích:** Tra cứu, cập nhật thông tin tham số, thêm, xóa tham số.
* **Tác nhân:** Giám đốc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Tác nhân yêu cầu chức năng Tra cứu tham số của hệ thống
* Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý tham số.
* Tác nhân cung cấp từ khóa tìm kiếm.
* Hệ thống nhận thông tin từ khóa tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm và hiển thị kết quả lên màn hình.
* Tác nhân yêu cầu Xem chi tiết tham số
* Hệ thống chuyển sang màn hình xem chi tiết tham số.

#### Các dòng sự kiện khác

* Mã tham số không tồn tại: hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin tham số.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Cập nhật tham số:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Cập nhật.
  + Tác nhân cung cấp thông tin tham số cần thay đổi
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu cập nhật:
    - Nếu tác nhân đồng ý cập nhật thì hệ thống ghi nhận thay đổi, thông báo thành công và hiển thị kết quả cập nhật.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động cập nhật phiếu nhập.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Thêm tham số:
  + Hệ thống chuyển sang màn hình Thêm tham số.
  + Tác nhân cung cấp thông tin tham số mới.
    - Nếu thành công: hệ thống ghi nhận thông tin tham số và thông báo thêm thành công.
    - Nếu thất bại: hệ thống thông báo lỗi.
* Tác nhân yêu cầu chức năng Xóa tham số:
  + Hệ thống yêu cầu tác nhân xác nhận yêu cầu Xóa tham số.
    - Nếu tác nhân đồng ý xóa thì hệ thống thực hiện cập nhật Tình trạng của tham số thành “đã xóa” và thông báo “xóa thành công”.
    - Nếu tác nhân hủy yêu cầu thì hệ thống hủy hành động xóa tham số.

### Các yêu cầu đặc biệt

* Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

* Tác nhân đã đăng nhập và phải là “Giám đốc”.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

* Trường hợp thành công:
  + Hiển thị danh sách kết quả tra cứu phù hợp với từ khóa tìm kiếm.

### Điểm mở rộng

* Không có